ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 88 /2025/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 25 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Kết luận số 151-KL/ĐU ngày 24/12/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Hội nghị lần thứ 16 về nội dung kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (*trừ các cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai (*Chi tiết cụ thể như Phụ lục số: 01, 02, 03, 04, 05 và 06 kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành tại Điều 1 Quyết định này được sử dụng làm một trong các căn cứ để các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm,

thuê, quản lý, sử dụng, xử lý máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) theo quy định hiện hành của Nhà nước. Giao Sở Tài chính tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc trang bị tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập mới hoặc theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ phát sinh theo quy định.

Điều 3. Mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2026.

2. Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 3 Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước đây) phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP + CV VPUBND tỉnh;
- TT Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, T4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG LĨNH VỰC: NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88 /2025/QĐ-UBND ngày 25 / 12 /2025 của UBND tỉnh)

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**		
1	Đo mực nước và nhiệt độ	Cái	1
2	Máy ảnh (phục vụ công tác kiểm tra hiện trường lĩnh vực Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn)	Cái	1
3	Máy scan A3 (phục vụ công tác lưu trữ tài liệu, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản)	Cái	1
4	Thiết bị đo UAV (drone)	Hệ thống	1
II	**Chi cục Kiểm Lâm**		
1	Ống nhòm	Cái	160
2	Ống nhòm ban đêm	Cái	145
3	Máy định vị	Cái	226
4	Bể chứa nước (Chất liệu composite, được lắp ráp tại chỗ bằng các tấm Panel, hệ thống dây giằng bên trong bằng inox 304, bulong và đệm bên trong inox 304, tháo dỡ dễ dàng cho việc di chuyển cơ động, thể tích 36m^3 trở lên, các phụ kiện bên ngoài bằng thép mạ kẽm nóng)	Hệ thống	5
5	Bồn chứa nước (30.000 lít) (Bồn chứa nước chuyên dụng chữa cháy rừng di động, chất liệu PVC bền chắc được phủ nylon, chống chịu được các điều kiện khắc nghiệt bên ngoài môi trường, dễ dàng gấp gọn và bảo quản)	Bộ	26
6	Tủ kính trưng bày mẫu vật (Động vật rừng) (Khung tủ bằng gỗ, 2 tầng; Mặt kính xung quanh bằng kính 5 ly; Kích thước tủ: cao 1,5m, rộng 0,7m, dài 3m)	Cái	1
7	Máy Flycam	Cái	29
8	Bẫy ảnh tự động	Cái	5
9	Cưa xăng	Cái	26
10	Hệ thống phát hiện sớm cháy rừng	Hệ thống	1
11	Bảng cấp dự báo cháy rừng tự động	Cái	32
12	Bình chữa cháy đeo vai	Cái	26
13	Chuồng sắt nuôi, nhốt động vật hoang dã (Cao 1,9m, rộng 1,1m, dài 3,7m)	Cái	24
14	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	29
15	Máy cắt thực bì	Cái	226
16	Máy thổi gió đeo vai	Cái	251
17	Bộ loa tuyên truyền lưu động BVR và PCCCR	Bộ	39

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
18	Hệ thống thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh cơ động (Thiết bị ghi hình có âm thanh cơ động, Thiết bị ghi âm cơ động, Tủ bảo quản thiết bị và lưu trữ kết quả ghi âm, ghi hình có âm thanh)	Hệ thống	26
19	Máy bơm chữa cháy chuyên dụng + phụ kiện	Cái	3
20	Máy bơm nước vác vai	Cái	164
21	Máy đo độ cao điểm cháy bằng laze	Cái	3
22	Máy in bản đồ màu (A0)	Cái	1
23	Máy quay camera	Cái	26
24	Máy scan A3 (phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng)	Cái	1
25	Máy tính bảng cài phần mềm bản quyền điều khiển bay chuyên dụng	Cái	25
26	Máy vi tính xách tay chuyên dùng ứng dụng GIS	Cái	40
27	Máy vi tính để bàn chuyên dùng ứng dụng công nghệ GIS	Bộ	2
28	Hệ thống Camera AI phát hiện sớm điểm cháy rừng và phát hiện xâm nhập	Hệ thống	2
29	Bồn chứa nước di động	Cái	33
III	**Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật**		
1	Kính hiển vi ba mắt	Cái	1
2	Máy li tâm điện	Cái	1
3	Máy đo độ pH cầm tay	Cái	1
4	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1
5	Tủ sấy	Cái	3
6	Tủ định ôn	Cái	1
7	Máy phân tích đất	Cái	1
8	Máy lắc ngang điện tử	Cái	1
9	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1
10	Tủ cấy vi sinh đôi	Cái	1
11	Bể điều nhiệt	Cái	1
12	Kính soi nổi	Cái	2
13	Kính hiển vi (có gắn máy ảnh kỹ thuật số)	Cái	2
14	Tủ lạnh dung tích trên 450 lít dùng để bảo quản mẫu	Cái	2
15	Máy ảnh	Cái	1
16	Máy quay phim	Cái	1
IV	**Chi cục Chăn nuôi và Thú y**		
1	Cân phân tích	Cái	1
2	Kính hiển vi sinh học 3 mắt	Cái	1
3	Máy nước cất 2 lần	Cái	1
4	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1
5	Máy trao đổi ion	Cái	1
6	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1
7	Nồi hấp tiệt trùng tự động (85 lít)	Cái	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
8	Tủ ấm	Cái	1
9	Tủ hút khí độc	Cái	1
10	Tủ lạnh âm (-30 độ)	Cái	2
11	Tủ lạnh bảo quản mẫu (loại lớn)	Cái	2
V	**Chi cục Thuỷ sản**		
1	Tủ an toàn sinh học	Cái	1
2	Máy Real time PCR	Cái	1
3	Máy vi tính xách tay (hệ thống máy RT-PCR 7500)	Cái	1
4	Máy in màu	Cái	1
5	Máy ly tâm lạnh	Cái	1
6	Máy ly tâm thường	Cái	1
7	Tủ ấm	Cái	1
8	Kính hiển vi chuyên dụng	Cái	1
9	Máy đo pH để bàn	Cái	1
10	Máy nghiền mẫu thuỷ sản (để tách chiết mẫu)	Cái	1
11	Máy khuấy từ	Cái	1
12	Nồi hấp ướt	Cái	1
13	Buồng thao tác PCR, UVP cabinet	Cái	1
14	Tủ lạnh âm (-20 độ)	Cái	1
15	Tủ lạnh	Cái	1
16	Máy ủ lắc	Cái	1
17	Cân phân tích	Cái	1
18	Tủ sấy	Cái	1
19	Máy đo NH3, H2S HACH DR2400	Cái	1
20	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
21	Máy đo hiện trường	Cái	1
22	Máy chụp ảnh	Cái	1
23	Máy cắt lát tế bào	Cái	1
24	Máy nước cất 2 lần	Cái	1
25	Tủ hút độc	Cái	1
26	Máy định vị vệ tinh (DGPS Heading)	Cái	1
27	Máy đo sâu hồi âm, đơn tia 01 tần số	Cái	1
28	Máy vi tính chuyên dụng (phục vụ công tác giao khu vực biển)	Cái	1
VI	**Chi cục Thủy lợi**		
1	Bộ phát wifi di động chuyên dùng phục vụ cán bộ công tác hiện trường đáp ứng yêu cầu an toàn khi thiên tai đang xảy ra	Bộ	1
2	Điện thoại vệ tinh phục vụ liên lạc khẩn cấp trong tình huống thiên tai	Cái	20
3	Máy ảnh, máy quay phim chuyên dùng các loại đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra	Bộ	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
4	Máy phát điện công suất lớn duy trì nguồn điện phục vụ chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai	Cái	1
5	Máy chủ phục vụ lưu trữ thông tin phòng, chống thiên tai	Cái	1
6	Máy vi tính để bàn cấu hình cao để cài đặt các phần mềm chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Bộ	2
7	Máy vi tính xách tay cấu hình cao để cài đặt các phần mềm chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Cái	3
8	Máy vi tính xách tay/Máy tính bảng đảm bảo hoạt động tại hiện trường trong điều kiện thiên tai	Cái	3
9	Máy bay không người lái đáp ứng yêu cầu thu thập hình ảnh, tìm kiếm thông tin tiếp cận nơi đã, đang xảy ra thiên tai	Chiếc	1
10	Máy định vị vệ tinh, la bàn để định vị, định hướng các khu vực thiên tai, công trình phòng, chống thiên tai	Bộ	1
11	Màn hình theo dõi thông tin phòng, chống thiên tai	Cái	2
12	Thiết bị đo độ sâu khu vực xảy ra lũ, ngập lụt	Bộ	1
13	Thiết bị xác định khoảng cách	Bộ	1
14	Thiết bị thu ảnh mây vệ tinh phục vụ phân tích thiên tai	Bộ	1
15	Thiết bị thu và vẽ bản đồ thời tiết, thiên tai	Bộ	1
16	Trạm đo mưa tự động chuyên dùng phòng chống thiên tai và quản lý vận hành hồ chứa	Trạm	283
17	Trạm đo mực nước tự động chuyên dùng phòng chống thiên tai và quản lý vận hành hồ chứa	Trạm	283
18	Trạm đo lưu lượng tự động chuyên dùng phòng chống thiên tai và quản lý vận hành hồ chứa	Trạm	10
19	Máy phát điện loại 1 pha 5.5KVA (phục vụ việc quản lý đê khi thiên tai xảy ra)	Cái	2
20	Bộ máy thủy bình, chân máy, mia	Bộ	2
VII	**Văn phòng Đăng ký đất đai**		
1	**Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh**		
1.1	IP Camera	Cái	30
1.2	Máy chủ tại tỉnh	Cái	14
1.3	Máy định vị GPS 2 tần số (máy RTK)	Bộ	6
1.4	Máy đo đạc	Cái	5
1.5	Máy hút ẩm chuyên dụng	Cái	20
1.6	Máy in A3	Cái	20
1.7	Máy in màu A0	Cái	2
1.8	Máy quét A0	Cái	1
1.9	Máy quét A3 cuộn	Cái	12
1.10	Máy tính đồ họa	Bộ	40
1.11	Thiết bị định tuyến trung tâm	Cái	4
1.12	Thiết bị lưu trữ (NAS)	Cái	4

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1.13	Thiết bị lưu trữ trung tâm (SAN Storage - Controller)	Cái	1
1.14	Thiết bị chuyển mạch	Cái	5
1.15	Tường lửa (firewall)	Cái	2
2	**Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai**		
2.1	Bộ chuyển mạch	Cái	24
2.2	Thiết bị định tuyến trung tâm	Cái	24
2.3	IP Camera	Cái	80
2.4	Máy định vị GPS 2 tần số (máy RTK)	Cái	60
2.5	Máy đo đạc	Cái	60
2.6	Máy hút ẩm chuyên dụng	Cái	48
2.7	Máy in A3	Cái	70
2.8	Máy quét A3 cuộn	Cái	72
2.9	Máy tính đồ họa	Bộ	130
VIII	**Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường**		
1	**Thiết bị quan trắc hiện trường môi trường nước**		
	Thiết bị lấy mẫu hiện trường		
1.2	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng kiểu Van Dorn hoặc Kammerer (loại ngang)	Cái	2
1.3	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng kiểu Van Dorn hoặc Kammerer (loại dọc)	Cái	2
1.4	Thiết bị lấy mẫu nước thải tự động	Cái	2
1.5	Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích thông thường (kiểu gầu Ekman)	Cái	2
1.6	Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích tầng sâu (kiểu gầu Van Veen), tời cầm tay	Cái	2
1.7	Bộ lấy mẫu thủy sinh (động vật nổi, thực vật nổi, động vật đáy)	Bộ	2
	- Động vật nổi: vợt chóp 30cm, lưới 20 µm		
	- Thực vật nổi: vợt chóp 30cm, lưới 13-15 µm		
	- Động vật đáy:		
	+ Vợt cầm tay, 30cm x 50cm, lưới 0,5 mm		
	+ Cào đáy tam giác đều 30cm, lưới 0,5 mm		
	+ Gầu Peterson, 22cm x 22cm		
	Thiết bị đo nhanh, phân tích tại hiện trường		
1.8	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy (kênh hở)	Cái	2
1.9	Thiết bị đo nhiệt độ, pH hiện trường	Bộ	2
1.10	Thiết bị đo độ dẫn điện (EC), tổng chất rắn hòa tan (TDS) hiện trường	Bộ	2
1.11	Thiết bị đo độ đục (NTU) hiện trường	Bộ	2
1.12	Thiết bị đo ôxy hòa tan (DO) hiện trường	Bộ	2
1.13	Bộ thiết bị đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay	Bộ	1
	Thiết bị phụ trợ quan trắc hiện trường		

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1.14	Máy định vị vệ tinh (GPS)	Cái	2
1.15	Máy vi tính xách tay đi hiện trường	Cái	1
1.16	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2
1.17	Mát phát điện 1,5 KW	Cái	2
2	**Thiết bị quan trắc hiện trường môi trường không khí**		
	Thiết bị lấy mẫu hiện trường		
2.1	Bơm lấy mẫu khí SO_2, CO, NO_2 theo phương pháp hấp thụ (lưu lượng thấp từ 0,5 - 2 lít/phút)	Cái	30
2.2	Thiết bị lấy mẫu bụi TSP (lưu lượng lớn 500 - 2000 lít/phút)	Cái	15
2.3	Thiết bị lấy mẫu bụi PM_{10} ($PM_{2.5}$, $PM_{1.0}$) kèm bộ cắt bụi PM_{10} ($PM_{2.5}$, $PM_{1.0}$)	Cái	2
2.4	Thiết bị lấy mẫu khí thải và mẫu bụi ống khói theo Isokinetic	Bộ	2
	Thiết bị đo nhanh, phân tích tại hiện trường		
2.5	Máy đo độ ồn tích phân	Cái	2
2.6	Máy đo độ rung tích phân	Cái	2
2.7	Thiết bị đo khí thải ống khói	Bộ	2
2.8	Thiết bị đo nhiệt độ, áp suất, lưu tốc khí thải ống khói	Bộ	2
	Thiết bị phụ trợ quan trắc hiện trường		
2.9	Máy định vị vệ tinh (GPS)	Cái	2
2.10	Máy vi tính xách tay đi hiện trường	Cái	1
2.11	Máy ảnh đi hiện trường	Cái	2
2.12	Máy phát điện 1,5 KW	Cái	2
	Thiết bị quan trắc, lấy mẫu chất thải rắn		
2.13	Bộ dụng cụ lấy mẫu chất thải rắn	Bộ	2
2.14	Cân kỹ thuật hiện trường	Cái	2
2.15	Bộ khoan lấy mẫu chất thải rắn hiện trường	Bộ	2
3	**Thiết bị phân tích trong Phòng thí nghiệm**		
	Thiết bị phân tích		
3.1	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	Cái	1
3.2	Máy quang phổ tử ngoại, khả kiến (UV-VIS)	Cái	1
3.3	Máy sắc ký ion IC - 2 kênh	Cái	1
3.4	Máy sắc ký khí (GC/ECD) hoặc máy sắc ký khí khối phổ (GC/MS)	Cái	1
3.5	Máy quang phổ hồng ngoại chuyển hóa Fourrier (FTIR)	Cái	1
3.6	Thiết bị phân tích COD (bếp đun phá mẫu, máy so màu đồng bộ)	Bộ	1
3.7	Thiết bị phân tích BOD_5 (chai BOD tiêu chuẩn, tủ ủ mẫu, máy sục khí…)	Bộ	1
3.8	Bộ phân tích TSS	Bộ	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
3.9	Thiết bị phân tích hàm lượng dầu trong nước tự động	Bộ	1
3.10	Máy cất nước 2 lần	Cái	1
3.11	Bể siêu âm	Cái	1
3.12	Bể điều nhiệt	Cái	1
3.13	Bộ chưng cất đạm	Bộ	1
3.14	Bộ vô cơ hóa mẫu bằng nguyên lý vi sóng	Bộ	1
3.15	Thiết bị lọc nước siêu sạch	Cái	1
3.16	Tủ lạnh (sử dụng liên tục)	Cái	7
3.17	Tủ hút khí độc	Cái	6
3.18	Bộ cất phenol	Bộ	1
3.19	Bộ cất Cyanua	Bộ	1
3.20	Bộ cất quay chân không	Bộ	1
3.21	Bộ chiết Soxhlet	Bộ	1
3.22	Tủ ấm	Cái	6
3.23	Tủ sấy loại to	Cái	1
3.24	Tủ sấy loại nhỏ	Cái	1
3.25	Bình hút ẩm	Cái	4
3.26	Máy ly tâm	Cái	1
3.27	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	2
3.28	Máy lắc đứng và ngang	Cái	2
3.29	Cân phân tích	Cái	1
3.30	Cân kỹ thuật	Cái	1
3.31	Lò nung	Cái	1
3.32	Bộ ổn nhiệt	Bộ	1
3.33	Tủ lạnh sâu	Cái	2
3.34	Tủ hút chân không	Cái	1
3.35	Tủ cấy vi sinh - Class II	Cái	1
3.36	Kính hiển vi soi nổi	Cái	1
3.37	Bộ đếm khuẩn lạc	Bộ	1
3.38	Tủ ấm vi sinh	Cái	1
3.39	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1
3.40	Bộ dụng cụ làm phân tích vi sinh	Bộ	1
3.41	Máy pH để bàn	Cái	1
3.42	Máy TDS/EC để bàn	Cái	1
3.43	Máy đo DO để bàn (có đầu đo cho phân tích BOD_5)	Cái	1
	Thiết bị phụ trợ phòng thí nghiệm		
3.44	Tủ bảo quản mẫu	Cái	4
3.45	Máy photocopy chuyên dùng	Cái	1
3.46	Máy tính để bàn chuyên dùng	Bộ	10
3.47	Máy tính xách tay chuyên dùng	Cái	5
3.48	Máy in chuyên dùng	Cái	7
3.49	Máy hút bụi	Cái	2

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
3.50	Ổn áp (3-10 KVA) cho hoạt động cả trạm	Cái	3
3.51	Máy bơm nước tăng áp	Cái	2
3.52	Máy hút ẩm	Cái	5
3.53	Hệ thống thiết bị bảo vệ trạm	Hệ thống	1
3.54	Hệ thống xử lý nước thải sau khi phân tích	Hệ thống	1
3.55	Hệ thống xử lý khí thải chung cho các tủ hút	Hệ thống	1
3.56	Máy phát điện loại 80 KVA (chỉ sử dụng khi mất điện)	Cái	1
3.57	Máy in màu	Cái	1
4	**Trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động liên tục**	Trạm	20
5	**Trạm quan trắc môi trường nước tự động liên tục**	Trạm	20
IX	**Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp và Môi trường**		
1	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	3
2	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	20
3	Máy định vị GPS động tĩnh (RTK)	Bộ	7
4	Máy đo độ pH cầm tay	Cái	5
5	Máy in màu A_0	Cái	3
6	Máy in màu A_3	Cái	4
7	Máy photocopy A_0	Cái	3
8	Máy phân tích các chỉ tiêu chính của đất	Cái	2
9	Máy quay camera	Cái	3
10	Máy thủy bình	Cái	3
11	Máy toàn đạc điện tử	Cái	5
12	Thiết bị bay không người lái (UAV) trong công tác khảo sát, đo đạc bản đồ	Bộ	3
X	**Trung tâm Giống Nông nghiệp**		
	Lĩnh vực giống cây trồng		
1	Máy sàng làm sạch và phân phối hạt giống	Cái	1
2	Bin sấy giống	Bộ	1
3	Tủ sấy	Cái	1
4	Bàn soi hạt giống	Cái	1
5	Bộ micro pipet (3 cây bộ) muc 0-10; 10-100; 100-1000 có tay bơm	Bộ	1
6	Buồng tiệt trùng dụng cụ	Cái	1
7	Cân phân tích hiện thị số	Cái	1
8	Máy cất nước 1 lần	Cái	2
9	Máy kéo + Mooc, giàn xới, chảo	Bộ	1
10	Máy đo độ ẩm hạt	Cái	2
11	Máy phay đất, trộn đất tại luống, lên luống	Cái	2
12	Máy sấy 15 tấn trái/mẻ	Cái	1
13	Máy sấy 5 tấn hạt/mẻ	Cái	1
14	Tủ đựng cấy vô trùng 02 chỗ	Cái	7

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
15	Máy đo PH để bàn	Cái	1
16	Máy hút ẩm	Cái	1
17	Máy đo nhiệt độ và độ ẩm	Cái	1
18	Bàn đá sử dụng cho thí nghiệm	Cái	4
19	Kệ sắt giàn sáng	Cái	70
20	Máy phân tích đất	Cái	2
21	Nồi hấp tiệt trùng lò đúng	Cái	2
22	Máy lạnh cho phòng nuôi cấy mô	Cái	5
23	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2
	Lĩnh vực giống vật nuôi, thủy sản		*72*
24	Lò tiêu hủy bệnh phẩm	Cái	2
25	Máy nghiền thức ăn gia súc	Cái	3
26	Máy cày đất chuyên dùng	Cái	2
27	Máy cắt cỏ liên hợp (Cắt cỏ, băm cỏ, vận chuyển)	Cái	2
28	Tủ lạnh bảo quản thuốc vắc xin	Cái	5
29	Máy đếm nồng độ tinh trùng	Cái	4
30	Máy siêu âm thai	Cái	2
31	Kính hiển vi (Gồm kính, camera và màn hình)	Bộ	6
32	Máy bơm giếng khoan từ 5,5HP	Cái	5
33	Máy đo độ dày mỡ lưng	Cái	3
34	Xe đẩy điều trị heo con 5 trong 1	Chiếc	3
35	Máy siêu âm thai	Cái	5
36	Máy phát điện 3 pha	Cái	4
37	Hệ thống phân tích tinh	Hệ thống	2
38	Máy đóng tinh tự động	Cái	2
39	Bình chứa Nitơ lỏng YDS-35-80	Cái	3
40	Máy chẩn đoán thai Preg-Tone	Cái	3
41	Máy xúc lật gầu nhỏ 0,5m3	Cái	2
42	Máy xúc lật gầu nhỏ 0,8m3	Cái	2
43	Bộ cân xe tải 60 tấn	Bộ	2
44	Máy trộn thức ăn cho bò TMR kèm máy kéo	Cái	2
45	Máy băm cỏ 9Z-15	Cái	2
46	Máy thu hoạch cỏ liên hoàn	Cái	2
47	Máy đảo phân	Cái	2
48	Máy chưng nước cất	Cái	2
XI	**Trung tâm chuyển đổi số Nông nghiệp và Môi trường**		
1	Máy vi tính để bàn chuyên dùng (phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Bộ	5
2	Máy vi tính xách tay (phục vụ đi hiện trường xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Cái	3
3	Máy in A3 (phục vụ cung cấp dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Cái	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
4	Máy scan A4 (số hóa dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Cái	1
5	Máy scan A3 (số hóa dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Cái	1
6	Tivi giám sát	Cái	1
7	Hệ thống ổ cứng lưu trữ ngoài	Bộ	1
8	Hệ thống sao lưu dữ liệu	Bộ	3
9	Thiết bị tường lửa	Bộ	3
10	Thiết bị chuyển mạch lõi	Bộ	2
11	Thiết bị chuyển mạch lớp	Bộ	2
12	Thiết bị phát sóng wifi (Access Point)	Bộ	3
13	Thiết bị lưu trữ	Bộ	3
14	Máy chủ	Bộ	4
15	Tủ đĩa	Bộ	2
16	Thiết bị lưu điện dự phòng	Cái	2
17	Kinan XL	Cái	2
18	Rack 42U + PDU	Bộ	2
19	Rack 10U + PDU	Bộ	2
20	Patch Panel 24P	Bộ	2
XII	**Các Ban quản lý Rừng phòng hộ**		
1	Camera chuyên dụng giám sát hành trình	Cái	5
2	Ống nhòm	Cái	3
3	Máy cắt thực bì	Cái	4
4	Máy vi tính xách tay chuyên dùng (phục vụ xử lý bản đồ cắt lớp, GIS theo dõi diễn biến tài nguyên rừng)	Cái	2
5	Máy cưa xích động cơ xăng	Cái	2
6	Máy chữa cháy rừng quạt bằng sức gió	Hệ thống	4
7	Flycam	Cái	1
8	Máy định vị cầm tay GPS	Cái	6
9	Bình chữa cháy đeo vai	Cái	2
10	Máy thổi gió đeo vai	Cái	3
11	Máy bẫy ảnh	Cái	2
12	Máy tính bảng chuyên dùng (phục vụ quản lý, bảo vệ diện tích rừng)	Cái	5
XIII	**Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng**		
1	Flycam	Cái	3
2	Máy bẫy ảnh	Cái	6
3	Máy đo đường kính thân cây	Cái	3
4	Thiết bị la bàn, đo độ nghiêng chuyên nghiệp	Cái	3
5	Máy tính xách tay cấu hình Core I7, 8G/1TB thế hệ thứ 8 trở lên để xử lý bản đồ cắt lớp, GIS theo dõi diễn biến tài nguyên rừng	Cái	2
XIV	**Ban quản lý Rừng đặc dụng An Toàn**		
1	Máy Flycam	Cái	3

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
XV	**Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh**		
1	Máy vi tính cấu hình cao dùng để chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ QLBVR, PCCCR (chuyên dùng để xử lý bản đồ, phần mềm Smart, phần mềm QLBVR….)	Cái/Bộ	10
2	Máy in laser (máy in màu) chuyên dùng	Cái	10
3	Máy photocopy chuyên dùng	Cái	2
4	Máy scan chuyên dùng	Cái	2
5	Máy fax chuyên dùng	Cái	15
6	Hệ thống cảnh báo cháy rừng	Hệ thống	2
7	Máy định vị bảo vệ rừng	Cái	50
8	Ống nhòm	Cái	40
9	Ti vi tuyên truyền QLBVR	Cái	20
10	Máy chụp ảnh	Cái	20
11	Ống kính (Tele) chụp cận cảnh	Cái	5
12	Ống kính tele chụp xa phục vụ điều tra, giám sát đa dạng sinh học, QLBVR	Cái	5
13	Máy bẫy ảnh	Cái	300
14	Máy chiếu	Bộ	5
15	Loa	Bộ	5
16	Micro tuyên truyền	Bộ	5
17	Âm ly	Bộ	5
18	Điện thoại để cài đặt phần mềm QLBVR	Bộ	20
19	Máy quay phim (loại lớn, chuyên dụng)	Cái	2
20	Máy thổi gió phục vụ công tác chữa cháy rừng	Cái	20
21	Bình chữa cháy	Cái	20
22	Thiết bị Flycam	Bộ	20
23	Máy bay không người lái chữa cháy rừng (gắn thùng nước chữa cháy rừng)	Chiếc	5
24	Máy cưa động cơ xăng	Cái	20
25	Máy cắt thực bì/cắt cỏ	Cái	20
26	Máy bơm cứu hoả (Máy bơm chữa cháy)	Cái	5
27	Tủ đông bảo quản	Cái	5
28	Hệ thống lọc nước	Hệ thống	15
29	Máy bộ đàm	Cái	20
30	Máy đo chiều cao cây rừng	Cái	5
31	Tủ chống ẩm loại lớn	Cái	15
32	Trạm phát điện/Trạm biến áp	Trạm	5
33	Máy sấy tiêu bản	Cái	10
34	Máy hút ẩm	Cái	10
35	Tủ đựng tiêu bản thực vật	Cái	50
36	Tủ đựng tiêu bản động vật	Cái	30

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
37	Máy tính bảng dùng để sử dụng chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ QLBVR, PCCCR	Cái	20
38	Hệ thống Camera tích hợp AI giám sát cháy rừng	Hệ thống	1
39	Thiết bị thu âm ứng dụng trong giám sát đa dạng sinh học và bảo vệ rừng	Hệ thống	1
40	Thước kẹp đo đường kính	Cái	10
41	Kéo cắt mẫu thực vật	Cái	5
42	Trang thiết bị cho nhà nuôi cấy mô		
	Bàn thao tác chung		
42.1	Bàn thí nghiệm trung tâm	Bàn	4
42.2	Máy cất nước 1 lần 5 lít/giờ	Cái	4
42.3	Nồi hấp 100 lít (hiện số, tự động hoàn toàn)	Cái	4
42.4	Tủ sấy để bàn	Cái	4
	Khu vực rửa sấy		
42.5	Bàn áp tường có 1 chậu rửa	Cái	4
	Phòng chuẩn bị môi trường		
42.6	Bàn xét nghiệm	Cái	6
42.7	Cân phân tích	Cái	4
42.8	Cân kỹ thuật	Cái	4
42.9	Máy đo pH/mV/ISE/nhiệt độ để bàn điện tử hiện số	Cái	4
42.10	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	4
42.11	Tủ mát dung tích 500 lít	Cái	4
	Phòng cấy vô trùng		
42.12	Tủ cấy Vi Sinh dòng khí thổi đứng (2 người ngồi đối diện)	Cái	4
42.13	Máy hút ẩm công nghiệp	Cái	4
42.14	Máy lạnh	Cái	4
42.15	Kính hiển vi soi nổi	Cái	4
XVI	**Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường**		
1	Thiết bị đo đạc trắc địa (Máy định vị GPS/GNSS, Máy GPS RTK, Máy toàn đạt…)	Cái	1
2	Máy vi tính chuyên dùng (Phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cái	1
3	Máy in màu A3 (Phục vụ công tác in cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cái	1
4	Máy scan A3	Cái	1
5	Máy photocopy A3	Cái	1
6	Thiết bị giám sát bay điều khiển từ xa (Flycam)	Cái	1
7	Máy thổi gió chữa cháy rừng	Cái	2
8	Tủ lạnh bảo quản Vắc xin	Cái	1
9	Máy phun thuốc khử trùng động cơ xăng	Cái	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
10	Máy đo COD và đa chỉ tiêu nước	Cái	1
11	Máy đo độ đục	Cái	1
12	Máy đo độ rung	Cái	1
13	Máy đo khí cầm tay đa chỉ tiêu	Cái	1
14	Máy đo khí độc cầm tay	Cái	1
15	Máy đo khí hydrocacbon (HC)	Cái	1
16	Máy đo nồng độ bụi	Cái	1
17	Máy đo nồng độ CO_2 trong không khí	Cái	1
18	Máy đo Oxy hòa tan và BOD	Cái	1
19	Máy đo độ PH	Cái	1
20	Máy đo độ ồn tích phân	Cái	1

Phụ lục số 02

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG LĨNH VỰC: KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88 /2025/QĐ-UBND ngày 25 / 12 /2025 của UBND tỉnh)

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	**Sở Khoa học và Công nghệ**		
1	**Thiết bị kiểm soát bức xạ**		
1.1	Thiết bị khảo sát bức xạ suất liều cao	Cái	1
1.2	Thiết bị nhận diện nguồn phóng xạ	Cái	1
1.3	Thiết bị kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ (do nhiễm bẩn phóng xạ alpha, beta, gamma, neutron)	Cái	1
1.4	Thiết bị đo phóng phóng xạ môi trường	Cái	1
1.5	Liều kế có báo động (đo suất liều tức thời và liều tích lũy)	Cái	1
1.6	Liều kế cá nhân	Cái	5
1.7	Thiết bị thu thập và phân tích, đo đạc nồng độ phóng xạ hiện trường và trong phòng thí nghiệm	Cái	1
2	**Thiết bị phụ trợ**		
2.1	Tay gắp	Cái	2
2.2	Bình chì, thùng chì	Bình/ Thùng	2
2.3	Túi đựng hạt chì	Cái	2
2.4	Tấm chì	Tấm	5
II	**Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**		
1	Bộ quả cân chuẩn E2 (1 mg ÷ 500 g)	Bộ	1
2	Bộ quả cân chuẩn F1 (1 ÷ 500) g	Bộ	1
3	Bộ quả cân chuẩn F2 (1 ÷ 500) g	Bộ	1
4	Cân điện tử 220 g/d= 0,01 mg (CCX 1)	Cái	1
5	Cân điện tử 6200g/ d=0,01 g	Cái	1
6	Cân điện tử 30 kg/d=5 g	Cái	1
7	Cân điện tử 60 kg/d=5 g	Cái	1
8	Bình chuẩn kim loại hạng 2 loại 2 lít; CCX:0.01	Cái	1
9	Bình chuẩn kim loại hạng 2 loại 5 lít; CCX:0.01	Cái	1
10	Bình chuẩn kim loại hạng 2 loại 10 lít; CCX:0.01	Cái	1
11	Bình chuẩn kim loại hạng 2 loại 20 lít; CCX:0.01	Cái	1
III	**Trung tâm Chuyển đổi số**		
1	**Thiết bị chuyên dùng hệ thống tích hợp dữ liệu**		
1.1	Máy chủ chuyên dùng hệ thống thông tin	Cái	40
1.2	Firewall Internet chuyên dùng hệ thống thông tin	Cái	4
1.3	Firewall Core chuyên dùng hệ thống thông tin	Cái	4
1.4	Thiết bị Lưu trữ dữ liệu chuyên dùng hệ thống thông tin (SAN)	Cái	8

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1.5	Thiết bị Switch core chuyên dùng hệ thống thông tin	Cái	4
1.6	Thiết bị định tuyến (Router) chuyên dùng hệ thống thông tin	Cái	4
1.7	Thiết bị chuyển mạch (Switch Access) chuyên dùng hệ thống thông tin	Cái	10
1.8	Thiết bị chống tấn công Ddos chuyên dùng hệ thống thông tin	Cái	2
1.9	Máy tính cấu hình cao chuyên dùng hệ thống thông tin	Bộ	10
1.10	Hệ thống giám sát phòng máy chủ chuyên dùng	Hệ thống	1
1.11	Máy lạnh chính xác chuyên dùng hệ thống thông tin	Cái	4
1.12	Thiết bị Tape Library backup	Cái	2
1.13	Bộ điều khiển máy chủ hệ thống TTDL qua địa chỉ IP KVM console + KVM IP Sw	Thiết bị	4
1.14	Tủ đĩa NAS cho hệ thống GIS & Backup dữ liệu	Cái	1
1.15	Thiết bị Anti-spam	Cái	1
1.16	Thiết bị quản trị điều khiển: Resource Manager Appliance	Cái	1
2	**Thiết bị hệ thống Đô thị thông minh**		
2.1	Camera xử lý vi phạm chuyên dùng	Cái	200
2.2	Máy chủ xử lý hình ảnh (XLVP, VDS)	Cái	4
2.3	Thiết bị lưu trữ dữ liệu hệ thống và dữ liệu camera quan sát CCTV chuyên dụng	Cái	6
2.4	Máy tính công nghiệp cho camera KSRV	Bộ	150
2.5	Nguồn POE cho thiết bị chuyên dụng	Cái	150
2.6	Ổ cắm Wifi điều khiển Camera	Cái	150
3	**Hệ thống điện, hệ thống chống sét, hệ thống an ninh giám sát phòng máy chủ hệ thống thông tin**		
3.1	Hệ thống thiết bị lưu điện UPS chuyên dụng cho trung tâm dữ liệu	Hệ thống	10
3.2	Hệ thống giám sát, theo dõi tình trạng PIN của UPS	Hệ thống	2
3.3	Máy phát điện và tủ điện ATS	Bộ	3
3.4	Máy biến áp 3P-22/0.4KV-100KVA	Máy	1
3.5	Tủ bù tự động CS 40kVAR (bù 3 cấp trọn bộ)	Tủ	1
3.6	Tủ điện trọn bộ 100KVA - xuất 2 tuyến	Tủ	1
3.7	Hệ thống tiếp địa	Hệ thống	2
3.8	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha cho trung tâm dữ liệu	Hệ thống	3
3.9	Hệ thống sàn nâng	Hệ thống	2
3.10	Đầu đọc vân tay, kiêm trung tâm kiểm soát cửa	Cái	2
4	**Thiết bị máy tính, máy in, máy chiếu và một số thiết bị phụ trợ khác phục vụ hệ thống thông tin**		
4.1	Máy tính xách tay cấu hình cao	Cái	10
4.2	Máy tính bảng	Cái	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
4.3	Màn chiếu di động	Cái	1
4.4	Máy chiếu	Bộ	7
5	**Hệ thống Hội nghị truyền hình cấp tỉnh**		
5.1	Thiết bị điều khiển trung tâm MCU	Bộ	5
5.2	Thiết bị đầu cuối hội nghị truyền hình độ phân giải Full HD	Bộ	6
5.3	Máy chủ chuyên dụng quản lý hệ thống Hội nghị truyền hình	Cái	5
5.4	Camera	Bộ	6
5.5	Thiết bị ghi hình nội dung cuộc họp	Cái	1
5.6	Tủ kệ đặt thiết bị đầu cuối hội nghị truyền hình	Bộ	6
5.7	Micro	Cái	6
5.8	Loa chuyên dùng	Bộ	3
5.9	Máy tính xách tay chuyên dụng phục vụ hệ thống	Cái	4
5.10	Bộ chuyển mạch Switch 24 port	Cái	2
5.11	Phụ kiện kèm theo hệ thống	Bộ	6
5.12	Tivi hiển thị	Cái	6
IV	**Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ**		
1	Tủ bảo quản lạnh	Cái	1
2	Hệ thống lọc nước cấp công nghiệp	Hệ thống	1
3	Hệ thống lọc nước chế biến	Hệ thống	2
4	Hệ thống rửa chai tự động	Hệ thống	1
5	Hệ thống thiết bị tách dầu	Hệ thống	1
6	Hệ thống máy ép viên mềm	Hệ thống	1
7	Bồn phối trộn enzyme	Cái	3
8	Hệ thống lên men song song	Hệ thống	1
9	Bồn chứa phụ trợ cho thu hồi sinh phẩm	Cái	3
10	Hệ thống lọc tiếp tuyến enzyme	Hệ thống	1
11	Hệ thống nén khí không dầu	Hệ thống	1
12	Hệ thống cấp hơi nóng sạch	Hệ thống	1
13	Máy sấy tầng sôi	Cái	1
14	Hệ thống khử trùng thiết bị sản xuất di động	Hệ thống	1
15	Hộp trung chuyển nguyên liệu	Cái	5
16	Buồng thổi khí sạch	Cái	2
17	Nồi hấp khử trùng chất thải phòng thí nghiệm	Cái	1
18	Hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiêm	Hệ thống	1
19	Bồn rửa mắt khẩn cấp	Cái	1
20	Nồi hấp hai cửa	Cái	1
21	Tủ sấy hai cửa	Cái	1
22	Máy nghiền lạnh	Cái	1
23	Thiết bi đối lưu giải nhiệt	Cái	2

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
24	Nồi hấp thanh trùng	Cái	2
25	Máy chiết rót dung tích nhỏ tự động	Cái	1
26	Máy đóng nắp hũ	Cái	1
27	Máy chiết tuyp	Cái	1
28	Máy đóng túi đứng	Cái	1
29	Máy đóng túi ngang	Cái	1
30	Bộ tạo khí nitơ	Cái	1
31	Hệ thống máy đóng nút chai bần và seal bán tự động	Hệ thống	1
32	Máy màng co	Cái	1
33	Máy dán nhãn tự động	Cái	1
34	Máy ép và lọc dầu	Cái	1
35	Máy hút ẩm	Cái	4
36	Máy rang	Cái	1
37	Máy xay khô	Cái	1
38	Máy lọc-khử khuẩn không khí phòng di động	Cái	2
39	Hệ thống nuôi cấy tế bào air-lift Bioreator 5L với lọc 0.2µm và ống silicone	Hệ thống	10
40	Hệ thống nuôi cấy tế bào air-lift Bioreator 10L với lọc 0.2µm và ống silicone	Hệ thống	20
41	Hệ thống nuôi cấy tế bào Bioreator 250L	Hệ thống	1
42	Tủ cấy thổi ngang chuyên dụng air-lift bioreactor (cửa cao >76cm)	Cái	1
43	Máy bơm khí không dầu + bình tích áp	Cái	1
44	Hệ thống dây dẫn khí (van chia khí + ống silicone)	Hệ thống	1
45	Khí kế hiển thị số	Cái	1
46	Dàn nuôi thiết kế cho air-lift bioreactor	Cái	10
47	Máy lắc 2 tầng	Cái	1
48	Nồi hấp tiệt trùng loại lớn nằm ngang chuyên cho bioreactor	Cái	1
49	Thiết bị khử khuẩn và lọc khí phòng sạch	Cái	6
50	Máy nghiền keo	Cái	1
51	Máy ly tâm tốc độ cao lạnh- công suất lớn	Cái	2
52	Hệ thống máy đồng hóa liên tục bằng sóng âm công nghiệp	Hệ thống	1
53	Hệ thống máy cô quay chân không công nghiệp 50L	Hệ thống	1
54	Bể siêu âm đầu dò công nghiệp	Cái	1
55	Hệ thống chưng cất phân tử đường ngắn	Hệ thống	1
56	Hệ thống chiết suất siêu âm công nghiệp	Hệ thống	1
57	Bể siêu âm bộ rửa tự động	Cái	2
58	Thiết bị phân tích ẩm	Cái	1
59	Thiết bị đo độ nhớt	Cái	1
60	Tủ cấy an toàn sinh học	Cái	10

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
61	Máy lọc nước siêu sạch RO-DI	Cái	1
62	Máy hút ẩm công nghiệp	Cái	1
63	Máy đo kích thước hạt nano và độ ổn đinh nhũ tương	Cái	1
64	Máy đo quang phổ UV/Vis	Cái	4
65	Máy đếm vi sinh vật tự động	Cái	1
66	Máy chiết cách thủy có điều nhiệt	Cái	1
67	Máy nghiền nano công nghiệp	Cái	1
68	Máy đếm viên đóng chai	Cái	1
69	Máy ép viên nén	Cái	1
70	Máy nghiền mịn đĩa	Cái	1
71	Tủ lạnh âm sâu -40°C	Cái	5
72	Tủ mát	Cái	5
73	Tủ ấm	Cái	5
74	Tủ sấy	Cái	6
75	Tủ lạnh âm sâu -80 độ C	Cái	5
76	Bể điều nhiệt	Cái	5
77	Bể siêu âm có gia nhiệt	Cái	3
78	Máy lắc ống nghiệm (lắc ngang)	Cái	3
79	Máy lắc bình tam giác (lắc quỹ đạo)	Cái	3
80	Bể lắc ổn nhiệt	Cái	3
81	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	4
82	Thiết bị khử trùng bằng khô nhiệt	Cái	4
83	Máy đo pH/độ dẫn/ion để bàn	Cái	3
84	Máy đo chỉ số khúc xạ tự động	Cái	3
85	Bộ đo BOD	Cái	3
86	Thiết bị đo ánh sáng	Cái	6
87	Máy phá mẫu bằng sóng siêu âm	Cái	3
88	Burret điện tử	Cái	3
89	Micropipette 1 kênh thay đổi thể tích	Cái	4
90	Hệ thống cô quay chân không	Cái	3
91	Kính hiển vi có chụp ảnh	Cái	3
92	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	3
93	Thiết bị phân tích nguyên tố N, C, H, S	Cái	3
94	Máy rửa dụng cụ thủy tinh	Cái	3
95	Bàn thí nghiệm trung tâm mặt chuyên dụng	Cái	5
96	Tủ tăng trưởng thực vật	Cái	2
97	Nồi hấp tiệt trùng đứng	Cái	3
98	Máy ly tâm lạnh (loại đa ống nghiệm)	Cái	4
99	Máy Votex	Cái	5
100	Máy ly tâm nhỏ	Cái	3
101	Buồng thao tác PCR	Cái	4
102	Hệ thống giải trình tự gen	Hệ thống	3